

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về hoạt động của sàn dữ liệu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động của sàn dữ liệu.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu; hoạt động thử nghiệm dữ liệu trên sàn dữ liệu; điều kiện tham gia và điều kiện về sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được tham gia giao dịch trên sàn dữ liệu; định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quy trình giao dịch trên sàn dữ liệu; quản lý rủi ro, an toàn hệ thống và giải quyết khiếu nại, tranh chấp; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu và tổ chức, cá nhân mua, sử dụng sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến các hoạt động trên sàn dữ liệu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Sàn dữ liệu quốc gia* là sàn dữ liệu do Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia, Bộ Công an xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì hoạt động, giám sát điều hành.

2. *Tổ chức, cá nhân tham gia sàn dữ liệu (bên tham gia)* là các bên tham gia sàn dữ liệu, bao gồm Bên bán và Bên mua.

3. *Bên bán* là tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

4. *Bên mua* là tổ chức, cá nhân mua, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.

5. *Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có nguồn gốc từ dữ liệu cá nhân* là sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu mà nguồn gốc tạo thành là dữ liệu cá nhân đã được khử nhận dạng.

Chương II

TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ SÀN DỮ LIỆU

Điều 4. Phân loại sàn dữ liệu

Sàn dữ liệu được phân thành 02 (hai) loại, bao gồm:

1. Sàn dữ liệu quốc gia

a) Sàn dữ liệu quốc gia là sàn cung cấp dữ liệu, các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu từ nguồn Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác do cơ quan Đảng, nhà nước, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội quản lý và dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác cung cấp;

b) Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, đánh giá đối với hoạt động của sàn dữ liệu quốc gia và các sàn dữ liệu khác; quản lý dữ liệu giao dịch của các sàn dữ liệu khác có kết nối với sàn dữ liệu quốc gia;

c) Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia được cung cấp dịch vụ đấu giá, trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, xử lý dữ liệu cá nhân trên Sàn dữ liệu quốc gia mà không phải thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ bao gồm các hoạt động sau: dịch vụ chào mua, chào bán; dịch vụ hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; dịch vụ đấu giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; dịch vụ cung cấp môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; dịch vụ tư vấn xây dựng, quản lý, vận hành sàn dữ liệu;

đ) Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm Dữ liệu quốc gia được khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và dữ liệu do các chủ sở hữu dữ liệu khác cung cấp để tạo dựng bộ dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đưa vào giao dịch trên sàn dữ liệu;

e) Sàn dữ liệu quốc gia sử dụng trang thông tin điện tử có địa chỉ sandulieuquocgia.gov.vn.

2. Sản dữ liệu khác

a) Sản dữ liệu không thuộc khoản 1 Điều này được cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu từ nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cơ quan chủ quản của sản dữ liệu đó quản lý (đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ sản dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập) và dữ liệu do tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà nước cung cấp. Các sản dữ liệu này phải bảo đảm mức độ an toàn hệ thống thông tin từ cấp độ 3 trở lên và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Sản dữ liệu quốc gia;

b) Tổ chức quản lý sản dữ liệu tại điểm a khoản này được cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ bao gồm các hoạt động sau: dịch vụ chào mua, chào bán; dịch vụ hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; dịch vụ đấu giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; dịch vụ cung cấp môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

Điều 5. Xác định phí, giá và hạch toán tài sản công trong hoạt động sản dữ liệu

1. Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu do cơ quan Đảng, nhà nước, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội quản lý được xác định là tài sản công khi giao dịch trên sản dữ liệu.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng trực tiếp thông tin từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thông qua sản dữ liệu phải nộp phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, trừ trường hợp được miễn phí theo quy định tại Điều 38 của Luật Dữ liệu.

3. Thu giá đối với sản phẩm, dịch vụ gia tăng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành quản lý

a) Sản phẩm, dịch vụ gia tăng sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do bộ, ngành quản lý được cung cấp theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thông qua sản dữ liệu, không bao gồm các dịch vụ thuộc đối tượng thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, được áp dụng cơ chế thu giá theo quy định của pháp luật về giá;

b) Bộ, ngành được giao quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có thẩm quyền ban hành giá cụ thể, giá tối đa hoặc khung giá tùy theo tính chất của từng loại sản phẩm, dịch vụ quy định tại điểm a khoản này và tổ chức thu theo mức giá đã ban hành, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về giá.

4. Cơ quan chủ quản dữ liệu xác định mức phí, mức giá hoặc ban hành khung giá, giá tối đa đối với từng loại dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu giao dịch trên sản dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về phí và lệ phí, pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu do tổ chức, cá nhân không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này sở hữu được xác định là tài sản khi giao

dịch trên sản dữ liệu và thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật về giá và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Hạch toán tài sản công của tổ chức cung cấp dịch vụ sản dữ liệu

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ sản dữ liệu là đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thực hiện hạch toán các tài sản sau đây theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan: hệ thống hạ tầng kỹ thuật, máy chủ, đường truyền, trang thiết bị phục vụ vận hành sản dữ liệu được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước; hệ thống phần mềm nền tảng, phần mềm ứng dụng, mã nguồn và các giải pháp công nghệ được đầu tư, xây dựng từ nguồn vốn nhà nước; dữ liệu được tạo lập, thu thập từ hoạt động của sản dữ liệu.

b) Việc xác lập sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản quy định tại khoản này đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định tại Chương V của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Điều 6. Hoạt động cung cấp dịch vụ chào mua, chào bán

1. Đối với hoạt động chào mua, Bên mua có quyền đăng tải yêu cầu về sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu chưa có sẵn trên sản dữ liệu theo nhu cầu. Yêu cầu về sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu phải nêu rõ các thông tin cơ bản như sau:

a) Mô tả cụ thể sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cần tìm, gồm: tên gọi, nội dung, thời gian, địa bàn, hình thức và phương thức cung cấp, yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật;

b) Mục đích sử dụng dự kiến;

c) Các yêu cầu khác (nếu có).

2. Đối với hoạt động chào bán, sản dữ liệu yêu cầu Bên bán cung cấp và công bố tối thiểu các nhóm thông tin sau đây:

a) Thông tin về nguồn gốc, phương thức thu thập và tính hợp pháp của dữ liệu;

b) Mô tả đặc tính kỹ thuật, định dạng, liệt kê các trường thông tin và các thông số khác của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

c) Chính sách giá, căn cứ định giá và các điều kiện hạn chế về quyền sử dụng, quyền sở hữu trí tuệ (nếu có).

3. Bên bán và Bên mua chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của thông tin chào mua, chào bán đã đăng tải trên sản dữ liệu.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ sản dữ liệu có trách nhiệm thực hiện kiểm duyệt nội dung chào mua, chào bán nhằm ngăn chặn việc đăng tải các loại dữ liệu không được phép giao dịch theo quy định của Luật Dữ liệu.

Điều 7. Dịch vụ tư vấn xây dựng, quản lý, vận hành sàn dữ liệu

1. Dịch vụ tư vấn xây dựng, quản lý, vận hành sàn dữ liệu là hoạt động cung cấp ý kiến chuyên môn, giải pháp và hỗ trợ kỹ thuật, nghiệp vụ cho tổ chức, cá nhân trong việc thiết kế, xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành và phát triển hoạt động của sàn dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Dịch vụ tư vấn bao gồm:

a) Khảo sát và phân tích nhu cầu: Xác định loại dữ liệu sẽ giao dịch, đánh giá quy mô, đối tượng sử dụng, yêu cầu pháp lý.

b) Thiết kế kiến trúc hệ thống về hạ tầng công nghệ thông tin: Máy chủ, trung tâm dữ liệu, nền tảng điện toán đám mây; cơ chế lưu trữ, chia sẻ, bảo mật dữ liệu; xây dựng quy trình vận hành; quy định giao dịch dữ liệu, kiểm định chất lượng dữ liệu; cơ chế thanh toán, định giá dữ liệu;

c) Tư vấn về pháp lý, an ninh dữ liệu;

d) Đào tạo và chuyển giao công nghệ;

đ) Quản lý, vận hành sàn dữ liệu.

3. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu được cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng, quản lý, vận hành sàn dữ liệu.

Điều 8. Dịch vụ hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Dịch vụ hỗ trợ định giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu bao gồm:

a) Dịch vụ phân tích giá tham chiếu: cung cấp thông tin, chỉ số và mức giá tham chiếu được phân tích, tổng hợp từ dữ liệu giao dịch thị trường và các thông số kỹ thuật của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu. Kết quả phân tích giá tham chiếu là thông tin tham khảo, không phải kết quả thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá và không thay thế chứng thư thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá phát hành;

b) Dịch vụ kết nối thẩm định giá: làm đầu mối trung gian tiếp nhận yêu cầu, kết nối tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác định giá trị dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu với các doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.

2. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu được cung cấp các dịch vụ hỗ trợ định giá quy định tại khoản 1 Điều này. Các sàn dữ liệu khác được cung cấp dịch vụ hỗ trợ định giá theo quy định tại khoản 1 Điều này và có trách nhiệm lấy ý kiến tham khảo của Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu trước khi thực hiện hoặc công bố kết quả phân tích giá tham chiếu đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu khi thực hiện dịch vụ hỗ trợ định giá có trách nhiệm:

a) Xây dựng, vận hành và cập nhật thường xuyên hệ thống phân tích, tổng hợp dữ liệu thị trường phục vụ cung cấp thông tin giá tham chiếu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Niêm yết và cập nhật thường xuyên danh sách các doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá trên hệ thống của sàn dữ liệu;

c) Cung cấp môi trường kỹ thuật bảo mật để doanh nghiệp thẩm định giá tiếp cận, khảo sát và đánh giá dữ liệu mẫu hoặc thông số kỹ thuật của dữ liệu theo yêu cầu của khách hàng;

d) Giám sát việc thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa các bên, bảo đảm tuân thủ đúng cam kết và quy chế hoạt động của sàn dữ liệu.

Điều 9. Dịch vụ đấu giá dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu được tổ chức đấu giá đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu hợp pháp được niêm yết trên sàn dữ liệu theo một trong các phương thức sau:

a) Tự tổ chức đấu giá sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

b) Ký kết hợp đồng dịch vụ với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá trên hạ tầng kỹ thuật của sàn dữ liệu.

2. Dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được đấu giá theo quy định tại Điều này là tài sản đấu giá không thuộc trường hợp pháp luật bắt buộc phải đấu giá; trình tự, thủ tục đấu giá thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Việc đấu giá được thực hiện bằng hình thức đấu giá trực tuyến theo quy định pháp luật về đấu giá tài sản. Phương thức đấu giá áp dụng phương thức trả giá lên hoặc phương thức đặt giá xuống tùy theo tính chất của từng loại dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được đấu giá.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu hoặc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được ủy quyền ban hành Quy chế cuộc đấu giá trước ngày niêm yết việc đấu giá theo quy định tại Điều 34 của Luật Đấu giá tài sản. Ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản, Quy chế cuộc đấu giá phải quy định các nội dung sau đây:

a) Mô tả dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đưa ra đấu giá, bao gồm: tên gọi, định dạng, khối lượng, thông số kỹ thuật, phạm vi quyền sử dụng được chuyển giao và các điều kiện hạn chế kèm theo (nếu có);

b) Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá hoặc mức giảm giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá;

c) Điều kiện tham gia đấu giá, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan;

d) Cơ chế tạm dừng, hủy kết quả đấu giá và xử lý các tình huống bất thường về kỹ thuật trên hệ thống;

đ) Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tranh chấp phát sinh từ cuộc đấu giá.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và vận hành hệ thống kỹ thuật phục vụ đấu giá đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Ghi nhận chính xác, trung thực thời điểm gửi giá, mức giá của từng người tham gia và hiển thị diễn biến phiên đấu giá theo thời gian thực;

b) Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của người tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và quy chế hoạt động của sàn dữ liệu;

c) Lưu trữ toàn bộ lịch sử diễn biến cuộc đấu giá phục vụ tra cứu, giải quyết tranh chấp và kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Đáp ứng các yêu cầu, điều kiện kỹ thuật đối với trang thông tin đấu giá trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

5. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu hoặc tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được ủy quyền có trách nhiệm:

a) Xác thực năng lực pháp lý và tư cách của người tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 38 của Luật Đấu giá tài sản;

b) Quản lý tiền đặt trước của người tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 39 của Luật Đấu giá tài sản; thực hiện hoàn trả hoặc xử lý tiền đặt trước theo kết quả cuộc đấu giá;

c) Thông báo kết quả đấu giá cho các bên liên quan; hỗ trợ các bên ký kết hợp đồng mua bán, chuyển giao quyền sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu sau khi kết thúc cuộc đấu giá;

d) Thực hiện hủy kết quả đấu giá và xử lý hậu quả pháp lý theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Luật Đấu giá tài sản.

Điều 10. Dịch vụ cung cấp môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Dịch vụ cung cấp môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu là việc tổ chức quản lý sàn dữ liệu cung cấp hạ tầng số, công cụ kỹ thuật và các tiện ích cần thiết để các bên tham gia sàn dữ liệu thực hiện việc đăng tải thông tin, tìm kiếm, tiếp cận, giao dịch, trao đổi và theo dõi quá trình cung cấp, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

2. Dịch vụ cung cấp môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu bao gồm:

a) Cung cấp không gian lưu trữ số an toàn cho dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

b) Cung cấp hệ thống tìm kiếm, tra cứu thông tin dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

c) Cung cấp băng thông và đường truyền để bảo đảm việc giao dịch dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu diễn ra ổn định, thông suốt;

d) Cung cấp các công cụ quản lý tài khoản, quản lý đơn hàng, theo dõi trạng thái giao dịch và lịch sử hoạt động cho các bên tham gia sàn dữ liệu;

đ) Các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM TRÊN SÀN DỮ LIỆU**

Điều 11. Hoạt động thử nghiệm trên sàn dữ liệu

1. Hoạt động thử nghiệm trên sàn dữ liệu là việc sàn dữ liệu cung cấp một môi trường kỹ thuật số biệt lập, bảo mật (sau đây gọi tắt là môi trường thử nghiệm) cho phép tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu truy cập, xử lý và phân tích dữ liệu đã được niêm yết trên sàn dữ liệu nhằm đánh giá chất lượng, tính phù hợp của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trước khi quyết định giao dịch chính thức.

2. Mục đích của hoạt động thử nghiệm trên sàn dữ liệu:

a) Tạo điều kiện cho Bên mua đánh giá chất lượng, tính phù hợp của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trước khi quyết định giao dịch chính thức;

b) Cho phép Bên mua tích hợp dữ liệu trên sàn dữ liệu với dữ liệu riêng của Bên mua để nghiên cứu, phát triển các mô hình phân tích, trí tuệ nhân tạo hoặc thử nghiệm tạo ra các sản phẩm mới mà không cần sao chép, di chuyển dữ liệu gốc ra khỏi hệ thống quản lý của sàn dữ liệu.

Điều 12. Nguyên tắc hoạt động của môi trường thử nghiệm

1. Môi trường thử nghiệm phải được thiết kế, vận hành tách biệt hoàn toàn về mặt vật lý hoặc logic với hệ thống vận hành chính thức của sàn dữ liệu và các hệ thống thông tin bên ngoài, bảo đảm sự cố an ninh mạng hoặc rủi ro về an ninh dữ liệu trong môi trường thử nghiệm (nếu có) không lây lan sang hệ thống khác theo quy định của pháp luật về an ninh mạng.

2. Dữ liệu được đưa vào môi trường thử nghiệm chỉ được lưu trữ, xử lý trong phạm vi hạ tầng kỹ thuật của sàn dữ liệu. Bên tham gia thử nghiệm chỉ được thực hiện các thao tác xử lý đối với dữ liệu trong môi trường thử nghiệm; không được tải về, sao chép hoặc trích xuất dữ liệu gốc ra khỏi môi trường thử nghiệm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Tổ chức quản lý sàn dữ liệu có trách nhiệm cung cấp các công cụ kỹ thuật để kiểm soát luồng dữ liệu, phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn hành vi truy cập, sao chép, trích xuất trái phép dữ liệu ra khỏi môi trường thử nghiệm.

Điều 13. Dữ liệu trong hoạt động thử nghiệm trên sàn dữ liệu

Các loại dữ liệu được phép đưa vào môi trường thử nghiệm bao gồm:

1. Dữ liệu do Bên bán cung cấp và đồng ý sử dụng trong phạm vi thử nghiệm.
2. Dữ liệu của Bên tham gia thử nghiệm.
3. Dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung do tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu cung cấp cho mục đích thử nghiệm.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong tham gia thử nghiệm trên sàn dữ liệu

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có quyền và nghĩa vụ:

a) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, tài nguyên tính toán và các công cụ phân tích cần thiết cho hoạt động thử nghiệm; bảo đảm tính ổn định, liên tục và an toàn của môi trường thử nghiệm trong suốt thời gian được đăng ký;

b) Thực hiện giám sát an ninh mạng trong môi trường thử nghiệm theo pháp luật an ninh mạng để phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn kịp thời hành vi tấn công mạng, xâm nhập trái phép hoặc vi phạm quy chế sử dụng môi trường thử nghiệm;

c) Đơn phương chấm dứt phiên thử nghiệm và xóa bỏ dữ liệu liên quan trong môi trường thử nghiệm trong trường hợp phát hiện nguy cơ sự cố an ninh mạng nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, đồng thời thông báo ngay cho các bên liên quan;

d) Thực hiện kiểm tra kỹ thuật đối với kết quả đầu ra trước khi cho phép trích xuất dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu ra khỏi môi trường thử nghiệm nhằm bảo đảm kết quả đầu ra không chứa dữ liệu gốc của Bên bán dưới bất kỳ hình thức nào;

đ) Không chịu trách nhiệm về tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ giữa Bên bán và Bên tham gia thử nghiệm phát sinh từ việc sử dụng kết quả thử nghiệm, trừ trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có lỗi trong việc kiểm soát, ngăn chặn hành vi trích xuất dữ liệu trái phép.

2. Bên bán có quyền và nghĩa vụ:

a) Xác định phạm vi, loại dữ liệu được phép truy cập và thời hạn thử nghiệm;

b) Yêu cầu tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu từ chối cho phép trích xuất kết quả đầu ra khi có căn cứ cho rằng kết quả đầu ra chứa dữ liệu gốc của Bên bán.

3. Bên tham gia thử nghiệm có quyền và nghĩa vụ:

a) Tuân thủ quy chế sử dụng môi trường thử nghiệm và phạm vi thử nghiệm đã được chấp thuận;

b) Không thực hiện các biện pháp kỹ thuật nhằm chiếm đoạt, sao chép dữ liệu gốc của Bên bán ra khỏi môi trường thử nghiệm; không thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Bên bán theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

c) Bảo mật thông tin về dữ liệu được tiếp cận trong quá trình thử nghiệm và không tiết lộ thông tin đó cho bên thứ ba khi chưa được Bên bán đồng ý;

d) Thanh toán chi phí sử dụng tài nguyên hạ tầng thử nghiệm theo quy định của tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu;

đ) Chịu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi cố ý vi phạm quy định về trích xuất kết quả đầu ra, sao chép hoặc sử dụng trái phép dữ liệu gốc; phải bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu, Bên bán và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Chương IV

ĐIỀU KIỆN THAM GIA GIAO DỊCH TRÊN SÀN DỮ LIỆU CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU ĐƯỢC GIAO DỊCH TRÊN SÀN DỮ LIỆU

Điều 15. Điều kiện tham gia giao dịch trên sàn dữ liệu của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức là pháp nhân Việt Nam được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật. Tổ chức là pháp nhân nước ngoài phải được thành lập hợp pháp theo quy định pháp luật của nơi pháp nhân đó đặt trụ sở.

2. Cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật.

3. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu thuộc danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều kiện đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao dịch trên sàn dữ liệu

Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao dịch trên sàn dữ liệu phải bảo đảm các nội dung sau:

1. Về tính hợp pháp và thông tin công bố

a) Có nguồn gốc hợp pháp và được chứng minh bằng các hồ sơ, tài liệu hợp lệ về việc thu thập, tạo lập hoặc nhận chuyển giao quyền sử dụng dữ liệu; đối tượng, nội dung, phương pháp và quy trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ về dữ

liệu phải bảo đảm tính minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật và đã được tổ chức cung cấp dịch vụ sẵn dữ liệu kiểm tra, xác thực;

b) Có các điều kiện, yêu cầu hoặc hạn chế (nếu có) trong việc lưu thông, lưu hành và sử dụng dữ liệu đã được Bên bán xác định và công bố rõ ràng trong hồ sơ sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

2. Không thuộc trường hợp dữ liệu không được phép giao dịch theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

3. Tuân thủ quy định và hướng dẫn kỹ thuật của sẵn dữ liệu

a) Các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu khi tham gia giao dịch phải tuân thủ các quy định về kết nối, chia sẻ, bảo mật và an toàn thông tin do sẵn dữ liệu ban hành và công bố;

b) Yêu cầu về định dạng và kỹ thuật, bao gồm:

Với dữ liệu dạng tệp: Phải sử dụng các định dạng dữ liệu phổ biến, đảm bảo khả năng đọc, quét bằng máy và tuân thủ bảng mã ký tự thống nhất theo hướng dẫn kỹ thuật của sẵn dữ liệu;

Với dữ liệu dạng giao diện lập trình ứng dụng (API): Phải cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật, tuân thủ các giao thức kết nối, phương thức xác thực và tiêu chí hiệu năng hệ thống;

Với các phương thức chia sẻ, định dạng dữ liệu khác: Các hình thức kết nối, chia sẻ hoặc định dạng dữ liệu khác phải tuân thủ hướng dẫn kỹ thuật do sẵn dữ liệu ban hành;

c) Dữ liệu phải được Bên bán đánh giá và công bố rõ ràng về mức độ chất lượng trong hồ sơ sản phẩm, bao gồm: độ chính xác; tính đầy đủ; độ chuẩn hóa, nhất quán; tần suất cập nhật và các yếu tố khác;

d) Trước khi được niêm yết, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu phải vượt qua quy trình kiểm thử kỹ thuật của sẵn dữ liệu để đảm bảo tính toàn vẹn, khả năng tương thích với hạ tầng của sẵn dữ liệu và khả năng tích hợp với hệ thống của Bên mua.

Chương V

QUY TRÌNH GIAO DỊCH TRÊN SẴN DỮ LIỆU

Điều 17. Đăng ký tài khoản giao dịch và tài khoản thanh toán trên sẵn dữ liệu

1. Quy trình đăng ký tài khoản giao dịch được tích hợp với các hệ thống định danh cá nhân, định danh tổ chức theo pháp luật về định danh và xác thực điện tử và các quy định pháp luật có liên quan như sau:

a) Đối với công dân Việt Nam: Đăng ký tài khoản giao dịch trên sàn dữ liệu thông qua tài khoản định danh điện tử mức độ 02 tại Ứng dụng định danh Quốc gia (VNeID) hoặc các phương thức khác được cung cấp trên sàn dữ liệu;

b) Đối với tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam: Đăng ký tài khoản giao dịch trên sàn dữ liệu thông qua tài khoản định danh điện tử mức độ 02 tại Ứng dụng định danh Quốc gia (VNeID) hoặc các phương thức khác được cung cấp trên sàn dữ liệu;

c) Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài:

Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có tài khoản định danh điện tử mức độ 02 tại Ứng dụng định danh Quốc gia (VNeID) thì áp dụng quy trình như đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam quy định tại điểm a và b khoản này.

Trường hợp không có tài khoản định danh điện tử thì thực hiện quy trình xác minh bằng phương thức gửi đề nghị mở tài khoản giao dịch trên sàn dữ liệu theo mẫu ĐK01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này, yêu cầu cung cấp các hồ sơ pháp lý đã được hợp pháp hóa lãnh sự để bảo đảm tính hợp pháp của tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia sàn dữ liệu. Sàn dữ liệu có thể áp dụng các phương thức xác thực qua phương tiện điện tử liên thông quốc tế và đảm bảo xác thực chính xác chủ thể tham gia giao dịch.

2. Khi đăng ký tài khoản giao dịch dữ liệu, các bên tham gia phải cung cấp đầy đủ thông tin có liên quan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của những thông tin trên.

3. Bên tham gia phải mở tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng trong danh mục do tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu công bố công khai trên trang thông tin điện tử của sàn dữ liệu để thực hiện giao dịch. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm cập nhật danh mục này kịp thời khi có thay đổi.

4. Mọi giao dịch sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu phải được thực hiện thông qua tài khoản giao dịch dữ liệu và tài khoản thanh toán đã đăng ký trên sàn dữ liệu.

Điều 18. Đăng ký thông tin sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Bên bán đăng ký danh mục sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu bao gồm các trường thông tin sau:

a) Thông tin cơ bản về chủ sở hữu dữ liệu;

b) Thông tin về loại dữ liệu, phạm vi sử dụng dữ liệu (bao gồm phạm vi không gian và thời gian, đối tượng sử dụng - nếu có);

c) Thông tin về giá và thanh toán;

d) Thông tin về giấy tờ chứng minh nguồn gốc của dữ liệu.

2. Tổ chức quản lý sàn dữ liệu thực hiện kiểm tra, đánh giá, phê duyệt niêm yết sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu của Bên bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đăng ký được phê duyệt và niêm yết trên sàn dữ liệu, Bên bán thực hiện đăng tải sản phẩm, dịch vụ lên sàn dữ liệu, chào bán.

Điều 19. Kiểm tra, đánh giá sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Trước khi được niêm yết, tất cả dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá bắt buộc do tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu thực hiện.

2. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện như sau:

a) Bên bán cung cấp các thông tin được yêu cầu vào hồ sơ yêu cầu niêm yết và thông tin, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định này;

b) Bên bán nộp hồ sơ yêu cầu niêm yết lên hệ thống sàn dữ liệu;

c) Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ niêm yết, bao gồm: kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; đối chiếu tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định này. Trường hợp cần thiết, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có thể lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trước khi phê duyệt kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ.

3. Bên bán chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính chính xác, hợp pháp và toàn vẹn của dữ liệu, bảo đảm tuân thủ pháp luật về dữ liệu và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bên bán có nghĩa vụ phối hợp chặt chẽ với tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu trong quá trình thẩm định, cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh và chịu trách nhiệm giải trình khi phát sinh tranh chấp.

Điều 20. Niêm yết sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Sàn dữ liệu thực hiện niêm yết sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu sau khi tiến hành thủ tục kiểm tra, đánh giá theo quy định tại Điều 19 Nghị định này và quy định khác của pháp luật.

2. Thông tin niêm yết của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu bao gồm: tên, loại sản phẩm, dịch vụ; thông tin về nguồn gốc, phương thức thu thập và tính hợp pháp của sản phẩm, dịch vụ; đặc tính kỹ thuật; các trường thông tin và các thông số khác của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu. Báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá phải được đính kèm không tách rời với thông tin của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu để Bên mua có thể tiếp cận.

Điều 21. Khởi tạo và xác lập giao dịch

1. Bên mua được cung cấp thông tin chi tiết và kết quả kiểm tra, đánh giá của các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được niêm yết trên sàn dữ liệu.

2. Bên mua khởi tạo một giao dịch thông qua một trong các hình thức sau:

a) Đặt lệnh mua trực tiếp đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có giá niêm yết cố định;

b) Gửi đề nghị giao dịch tới Bên bán để đàm phán về các điều khoản trong trường hợp giá cả hoặc các điều kiện khác có thể thương lượng;

c) Mua thông qua hình thức đấu giá quy định tại Điều 9 Nghị định này. Trường hợp giao dịch qua hình thức đấu giá thực hiện theo quy trình của pháp luật về đấu giá tài sản.

3. Giao dịch được xem là xác lập sơ bộ khi hệ thống của sàn dữ liệu ghi nhận lệnh mua của Bên mua hoặc ghi nhận sự đồng thuận về các điều khoản đàm phán giữa Bên bán và Bên mua. Hợp đồng điện tử sẽ được tạo lập để hai bên tiến hành ký kết.

Điều 22. Giao kết hợp đồng

1. Mọi giao dịch mua bán, trao đổi sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu phải được xác lập thông qua hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hợp đồng điện tử được giao kết và thực hiện thông qua hệ thống thông tin của sàn dữ liệu.

2. Hợp đồng điện tử bao gồm các nội dung tối thiểu:

a) Thông tin cơ bản và thông tin liên lạc của Bên bán và Bên mua;

b) Thông tin của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

c) Quyền và nghĩa vụ của Bên bán và Bên mua;

d) Yêu cầu về chất lượng đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

đ) Mục đích sử dụng sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

e) Nghĩa vụ bảo mật;

g) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;

h) Giải quyết tranh chấp;

i) Hiệu lực và chấm dứt hợp đồng.

3. Hợp đồng điện tử trên sàn dữ liệu chỉ có hiệu lực khi có sự chấp thuận của cả hai bên được thể hiện bằng một trong các phương thức sau, do các bên lựa chọn tương ứng với tính chất và giá trị giao dịch: chữ ký số công cộng, chữ ký điện tử chuyên dùng bảo đảm an toàn, các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của chủ thể ký đối với thông điệp dữ liệu do sàn dữ liệu triển khai và được quy định tại quy chế hoạt động của sàn dữ liệu.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thiết lập và vận hành hệ thống kỹ thuật bảo đảm định danh đúng chủ thể và ghi nhận xác thực sự chấp thuận của các bên đối với nội dung hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử;

b) Lưu trữ hợp đồng điện tử và thông tin xác nhận của các bên bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu trong suốt thời hạn hợp đồng và thời hạn lưu trữ tối thiểu theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

c) Cung cấp khả năng truy xuất, tra cứu hợp đồng điện tử cho các bên liên quan theo quy định.

5. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng điện tử trên sàn dữ liệu chỉ có hiệu lực khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Được lập thành phụ lục hợp đồng điện tử hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung dưới dạng thông điệp dữ liệu thông qua hệ thống thông tin của sàn dữ liệu;

b) Các bên xác nhận bằng phương thức theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Hệ thống sàn dữ liệu ghi nhận và gắn dấu thời gian vào thông điệp dữ liệu xác nhận sửa đổi, bổ sung. Phụ lục hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung là bộ phận không tách rời của hợp đồng điện tử gốc.

6. Khi chấm dứt hợp đồng, các bên có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh lý theo thỏa thuận tại hợp đồng điện tử. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu ghi nhận trạng thái chấm dứt hợp đồng trên hệ thống và bảo đảm lưu trữ hồ sơ giao dịch theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

7. Xác thực giao dịch và vai trò của tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu thực hiện vai trò trung gian xác thực giao dịch bằng cách gắn xác nhận kỹ thuật của hệ thống vào hợp đồng điện tử ngay khi hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Điều này, bao gồm dấu thời gian được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy về dấu thời gian đã được cấp phép theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và mã bảo đảm toàn vẹn thông điệp dữ liệu do hệ thống sàn dữ liệu tạo lập;

b) Trường hợp các bên có nhu cầu chứng thực hợp đồng điện tử bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu hoặc dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật về thương mại điện tử;

c) Trên cơ sở dữ liệu giao dịch được lưu trữ tại hệ thống, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu cung cấp tài liệu xác nhận giao dịch cho các bên khi có yêu cầu.

Điều 23. Thanh toán giao dịch

1. Nghĩa vụ thanh toán của Bên mua phát sinh ngay sau khi hợp đồng điện tử có hiệu lực.

Mọi giao dịch thanh toán phải được thực hiện thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán hoặc ngân hàng được tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu công bố theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

3. Đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong giao dịch là Việt Nam Đồng (VND).

Điều 24. Giao hàng sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu và xác nhận quyền tài sản đối với dữ liệu

1. Việc giao hàng sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu (dưới hình thức tệp tải về, cấp quyền truy cập API hoặc các hình thức khác theo thỏa thuận) chỉ được thực hiện khi sàn dữ liệu ghi nhận đồng thời 02 (hai) điều kiện sau:

a) Hợp đồng điện tử tương ứng có hiệu lực theo quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật.

b) Hệ thống thông tin của sàn dữ liệu đã ghi nhận việc thanh toán của Bên mua hoàn thành.

2. Ngay sau khi hoàn thành bàn giao, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu cấp cho Bên mua Giấy xác nhận quyền tài sản đối với dữ liệu dưới dạng thông điệp dữ liệu, bao gồm tối thiểu các thông tin: thông tin nhận dạng Bên mua và Bên bán; mô tả sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đã bàn giao; phạm vi quyền sử dụng được chuyển giao; thời hạn sử dụng; mã giao dịch; dấu thời gian bàn giao; xác nhận kỹ thuật của hệ thống sàn dữ liệu. Giấy xác nhận quyền tài sản đối với dữ liệu có giá trị làm căn cứ để Bên mua chứng minh tư cách người sở hữu hợp pháp đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đã mua trong quá trình khai thác, sử dụng.

3. Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu có trách nhiệm duy trì hệ thống tra cứu tình trạng quyền sử dụng dữ liệu tập trung thông qua Sàn dữ liệu quốc gia, cho phép các bên tham gia, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên khác có liên quan xác minh tính hợp lệ của quyền tài sản đối với dữ liệu theo giao dịch đã được ghi nhận trên hệ thống. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu khác có trách nhiệm kết nối, liên thông dữ liệu liên quan đến Giấy xác nhận quyền tài sản đối với dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều này với Sàn dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn, bảo đảm Sàn dữ liệu quốc gia có thể thực hiện chức năng tra cứu, xác minh đối với toàn bộ giao dịch phát sinh trên các sàn dữ liệu có kết nối.

Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu hướng dẫn cụ thể về điều kiện kết nối, liên thông giữa Sàn dữ liệu quốc gia với các sàn dữ liệu khác.

Điều 25. Đánh giá, phản hồi sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân đã hoàn tất giao dịch trên sàn dữ liệu có quyền đánh giá, phản hồi đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đã mua, bao gồm: xếp hạng, bình luận và báo cáo sự cố liên quan đến sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đó.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm xây dựng và vận hành hệ thống tiếp nhận, xử lý, lưu trữ và công khai thông tin đánh giá, phản hồi của người dùng; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn của thông tin đánh giá và cho phép Bên bán phản hồi đối với các đánh giá, báo cáo sự cố liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của mình.

Điều 26. Giá dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu quyết định và ban hành mức giá cụ thể đối với các dịch vụ do mình cung cấp theo cơ chế thị trường, bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, phù hợp với nguyên tắc, căn cứ và phương pháp định giá theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (tùy loại hình tổ chức).

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm xây dựng và ban hành Khung giá dịch vụ, bao gồm tối thiểu các loại giá dịch vụ sau:

a) Giá dịch vụ đăng ký, duy trì tài khoản giao dịch trên sàn dữ liệu theo từng đối tượng tham gia;

b) Giá dịch vụ niêm yết sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu;

c) Tỷ lệ hoa hồng thu trên giá trị giao dịch thành công;

d) Giá các dịch vụ hỗ trợ khác do tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu cung cấp (nếu có).

3. Khung giá dịch vụ và các mức giá cụ thể phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của sàn dữ liệu trước khi áp dụng; tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm cập nhật kịp thời khi có thay đổi.

4. Giá dịch vụ quy định tại Điều này không bao gồm giá hoặc phí đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu giao dịch trên sàn dữ liệu; việc thu phí, giá đối với dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Chương VI

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ GIẢI QUYẾT PHẢN ÁNH, YÊU CẦU

Điều 27. Xác định và quản lý rủi ro

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm xây dựng và thực thi các chính sách, quy trình toàn diện nhằm xác định, thiết lập cơ chế cảnh báo sớm về rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu, xây dựng các biện pháp bảo vệ dữ liệu, dữ liệu cá nhân của người sử dụng và các chủ thể liên quan; theo định kỳ rà soát, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến hoạt động thu thập, lưu trữ, xử lý, chia sẻ dữ liệu và các giao dịch trên sàn dữ liệu.

2. Rủi ro phát sinh bao gồm nhưng không giới hạn ở rủi ro quyền riêng tư, rủi ro an ninh mạng, rủi ro về nhận dạng và quản lý truy cập, rủi ro khác trong xử lý dữ liệu.

Điều 28. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, yêu cầu giải quyết tranh chấp giao dịch trên sàn dữ liệu

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và duy trì cơ chế tiếp nhận phản ánh, yêu cầu giải quyết tranh chấp của các bên tham gia giao dịch, bao gồm tối thiểu một phương thức liên hệ trực tuyến và các phương thức khác được công khai trong quy chế hoạt động của sàn dữ liệu theo quy định tại Nghị định này.

2. Phiếu phản ánh, yêu cầu giải quyết tranh chấp phải bảo đảm các nội dung tối thiểu bao gồm:

- a) Thông tin của tổ chức, cá nhân có khiếu nại, tranh chấp;
- b) Mã của sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;
- c) Mã giao dịch (nếu có);
- d) Mã đơn hàng (nếu có);
- đ) Nội dung, lý do phản ánh và yêu cầu cụ thể;
- e) Các tài liệu liên quan đến nội dung phản ánh, yêu cầu (nếu có);;
- h) Thời điểm gửi phản ánh, yêu cầu.

3. Thời hạn xử lý

a) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, yêu cầu đầy đủ thông tin, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu phải thông báo cho các bên về biện pháp xử lý và thời hạn giải quyết dự kiến;

b) Trường hợp phản ánh, yêu cầu chưa đầy đủ thông tin, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu thông báo cho bên gửi trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi nhận được và yêu cầu bổ sung thông tin cần thiết.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình giải quyết phản ánh, yêu cầu và tranh chấp

1. Trách nhiệm của bên gửi phản ánh, yêu cầu

a) Phiếu phản ánh, yêu cầu giải quyết tranh chấp do chính chủ tài khoản giao dịch liên quan gửi, hoặc do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của tổ chức, cá nhân đó gửi;

b) Bên gửi phản ánh, yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, chính xác, đầy đủ và phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, xác thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Trách nhiệm của các bên có liên quan

Bên bán, Bên mua hoặc bên liên quan được thông báo về nội dung phản ánh, yêu cầu có trách nhiệm phản hồi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu trong thời hạn được thông báo.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu không chịu trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh từ phản ánh, tranh chấp trong các trường hợp sau:

a) Thiệt hại xuất phát từ thông tin, tài liệu không trung thực, không chính xác hoặc không đầy đủ do bên gửi phản ánh, yêu cầu cung cấp;

b) Thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm hợp đồng điện tử giữa Bên bán và Bên mua mà không liên quan đến lỗi của tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu trong việc vận hành, quản lý sàn.

Trường hợp thiệt hại phát sinh do lỗi kỹ thuật của hệ thống sàn dữ liệu thuộc trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu thì tổ chức đó phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật dân sự.

Chương VII **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH,** **CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** **MUA, SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU**

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Điều 35 của Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

2. Ngoài các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu còn có trách nhiệm:

a) Phê duyệt, tạm ngừng hoặc chấm dứt sự tham gia của tổ chức, cá nhân trên sàn dữ liệu theo điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này, quy chế hoạt động của sàn dữ liệu và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Khi phát hiện thông tin, dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy chế hoạt động của sàn dữ liệu, tạm ngừng cung cấp, gỡ bỏ thông tin, dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu đó; việc tạm ngừng cung cấp, gỡ bỏ phải được thông báo cho bên có liên quan theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện quản lý, kiểm tra, giám sát an ninh thông tin mạng, an toàn dữ liệu và bảo mật dữ liệu thường xuyên; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý rủi ro dữ liệu và giám sát các hành vi có thể ảnh hưởng đến việc bảo vệ dữ liệu;

d) Bảo đảm tính liên tục, ổn định của hệ thống sản dữ liệu; xây dựng và duy trì kế hoạch ứng phó sự cố, phương án sao lưu và khôi phục dữ liệu theo quy định;

đ) Công bố công khai và duy trì cập nhật quy chế hoạt động, Khung giá dịch vụ, danh mục tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và ngân hàng trên trang thông tin điện tử của sản dữ liệu;

e) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh, cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Bảo đảm dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cung cấp lên sản dữ liệu là hợp pháp, chính xác, đầy đủ, được thu thập, xử lý theo đúng quy định pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm về quyền sở hữu, quyền được phép sử dụng, chuyển giao dữ liệu.

3. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin về dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo quy định tại Nghị định này cho tổ chức cung cấp dịch vụ sản dữ liệu và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Bảo đảm chất lượng và tính cập nhật của dữ liệu và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.

5. Duy trì các điều kiện kỹ thuật cần thiết để bảo đảm Bên mua có thể truy cập và sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo thỏa thuận tại hợp đồng.

6. Chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, tính hợp pháp và chất lượng kỹ thuật của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được kê khai, niêm yết và cung cấp trên sản dữ liệu; bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên mua, tổ chức cung cấp dịch vụ sản dữ liệu hoặc bên thứ ba do hành vi cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ không chính xác, không hợp pháp, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật hoặc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan.

7. Trách nhiệm khác được quy định theo pháp luật liên quan.

Điều 32. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, mua sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

1. Bảo đảm việc khai thác, sử dụng dữ liệu và sản phẩm về dữ liệu đúng phạm vi, mục đích và thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng và theo các điều kiện niêm yết của dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sản dữ liệu.

2. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí giao dịch, giá trị hợp đồng và các khoản phí dịch vụ có liên quan cho sàn dữ liệu và bên bán theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm pháp lý về hành vi khai thác, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; bồi thường thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên bán, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu, chủ thể dữ liệu hoặc bên thứ ba do vi phạm phạm vi quyền sử dụng hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VIII **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI** **HOẠT ĐỘNG CỦA SÀN DỮ LIỆU**

Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chủ trì xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược liên quan đến phát triển hoạt động của sàn dữ liệu.

2. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hoạt động của sàn dữ liệu.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tổ chức, vận hành và giao dịch trên sàn dữ liệu.

Điều 34. Trách nhiệm Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính

1. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Bộ Công an trong việc hướng dẫn, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được giao dịch trên sàn dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Phối hợp với Bộ Công an thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu giao dịch trên sàn dữ liệu;

c) Xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong các giao dịch trên sàn dữ liệu.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Hướng dẫn việc xác định cơ chế định giá đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu do Nhà nước quản lý được đưa vào giao dịch trên sàn dữ liệu; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ hoạt động giao dịch dữ liệu của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên sàn dữ liệu.

Điều 35. Trách nhiệm của các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp

1. Thực hiện xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư vào hạ tầng và hoạt động của sàn dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và địa bàn quản lý.

2. Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khi tham gia giao dịch trên sàn dữ liệu đối với các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với Bộ Công an và cơ quan chức năng thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi gian lận thương mại, vi phạm bảo vệ dữ liệu cá nhân và các vi phạm pháp luật khác diễn ra trên sàn dữ liệu thuộc địa bàn hoặc lĩnh vực quản lý.

Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 34 như sau:

“a) Người đứng đầu tổ chức, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 9 Nghị định này. Điều kiện về trình độ đại học, chuyên ngành đào tạo, chứng chỉ, chứng nhận chuyên môn và hồ sơ chứng minh kinh nghiệm công tác được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định về hoạt động của Sàn dữ liệu.”

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

PHỤ LỤC I

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT ĐIỀU KIỆN VỀ NHÂN SỰ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KINH DOANH HOẠT ĐỘNG SÀN DỮ LIỆU

(Kèm theo Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2026 của Chính phủ)

I. Quy định về trình độ đại học và chuyên ngành đào tạo

Nhân sự quản lý và nhân sự vận hành sàn dữ liệu yêu cầu trình độ đại học trở lên phải tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo và nhóm chuyên ngành sau:

1. Cơ sở giáo dục đào tạo được công nhận

a) Cơ sở giáo dục đào tạo trong nước: các học viện, trường đại học công lập và tư thục được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cấp phép hoạt động.

b) Cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài: bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) công nhận văn bằng theo quy định pháp luật.

2. Chuyên ngành/ khoa đào tạo được công nhận:

a) Nhóm ngành công nghệ và dữ liệu: khoa học dữ liệu, khoa học máy tính, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo, toán tin ứng dụng và các nhóm ngành có liên quan tới dữ liệu khác.

b) Nhóm ngành kinh tế và thương mại: quản trị kinh doanh, kinh tế số, thương mại điện tử, tài chính - ngân hàng, thống kê kinh tế, marketing, xúc tiến thương mại.

c, Nhóm ngành pháp lý: luật học, luật Kinh tế, luật Quốc tế.

II. Quy định về chứng chỉ, chứng nhận chuyên môn

1. Lĩnh vực khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản trị dữ liệu

a) Chứng chỉ trong nước: do Trung tâm sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia (thuộc Bộ Công an) hoặc các cơ sở giáo dục đại học có mã ngành đào tạo về công nghệ thông tin/khoa học dữ liệu tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng nhận.

b, Chứng chỉ quốc tế: chứng chỉ, chứng nhận quốc tế hoặc trong nước về khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản trị dữ liệu do các tổ chức, tập đoàn công nghệ uy tín toàn cầu, các hiệp hội nghề nghiệp quốc tế, các viện nghiên cứu hoặc cơ sở giáo dục đại học có thẩm quyền cấp, được công nhận rộng rãi

trên thị trường. Sau đây là các chứng chỉ, chứng nhận quốc tế hiện hành mang tính chất tham chiếu.

Tên đơn vị	Tên chứng chỉ, chứng nhận
Microsoft	Azure Data Scientist Associate
	Power BI Data Analyst Associate
Google	Google Data Analytics Professional Certificate
	Google Advanced Data Analytics Professional Certificate
AWS (Amazon Web Services)	AWS Certified Data Engineer
	AWS Certified Machine Learning – Specialty
IBM	IBM Data Science Professional Certificate
	IBM Data Analyst Professional Certificate
SAS	SAS Certified Data Scientist
CompTIA	CompTIA Data+

2. Lĩnh vực tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại

Chứng chỉ/chứng nhận do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Cục xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) cấp.

3. Lĩnh vực quản trị tài sản, thẩm định dữ liệu

Chứng chỉ quốc tế về quản trị tài sản và định giá (ví dụ: CFA) hoặc chứng chỉ do các cơ sở đào tạo có chuyên ngành thẩm định giá (được Bộ Tài chính chấp thuận) cấp. Thẻ thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính cấp.

III. Hồ sơ chứng minh và phương thức xác thực kinh nghiệm công tác

Người đứng đầu tổ chức hoặc người đại diện theo pháp luật phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm liên quan đến quản lý dữ liệu.

1. Hồ sơ, tài liệu chứng minh kinh nghiệm

Người đứng đầu tổ chức hoặc người đại diện theo pháp luật phải cung cấp tối thiểu một trong các loại giấy tờ sau (bản sao có chứng thực)

a) Hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc ghi rõ chức danh, vị trí công việc liên quan đến quản lý, vận hành trung tâm dữ liệu, quản trị cơ sở dữ liệu.

b) Quyết định bổ nhiệm chức vụ, quyết định phân công nhiệm vụ từ cơ quan, tổ chức sử dụng lao động.

c) Giấy xác nhận kinh nghiệm công tác do người đại diện theo pháp luật của cơ quan, doanh nghiệp nơi cá nhân đã/đang làm việc ký và đóng dấu.

2. Phương thức cơ quan quản lý nhà nước xác thực

Để đảm bảo tính trung thực của kinh nghiệm công tác, cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ áp dụng các biện pháp đối chiếu sau:

a) Xác thực qua Bảo hiểm xã hội: Tra cứu quá trình đóng Bảo hiểm xã hội (qua ứng dụng VssID hoặc cơ sở dữ liệu BHXH Việt Nam) của cá nhân để đối chiếu thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp có khớp với thời gian trên hợp đồng hoặc giấy xác nhận hay không.

b) Xác thực tư cách pháp nhân của đơn vị xác nhận: Đối chiếu trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo công ty cấp giấy xác nhận kinh nghiệm có mã ngành nghề kinh doanh hợp pháp liên quan đến công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, hoặc vận hành trung tâm dữ liệu.

c) Xác thực liên thông: Kiểm tra chéo thông tin lịch sử việc làm qua cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (ứng dụng VNeID).

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu ĐK01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH TRÊN SÀN DỮ LIỆU

Kính gửi: Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2026 của Chính phủ quy định hoạt động của sàn dữ liệu;

Đề nghị Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu xem xét phê duyệt đề nghị mở tài khoản giao dịch và tài khoản thanh toán trên sàn dữ liệu với nội dung cụ thể như sau:

1. Họ và tên:
2. Số ĐDCN:
3. Mã số thuế:
4. Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ thường trú:
5. Số điện thoại:
6. Email:
7. Nội dung đăng ký: Đăng ký tham gia sàn dữ liệu với vai trò (đánh dấu X vào ô lựa chọn)
 - Tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên sàn dữ liệu.
 - Tổ chức, cá nhân mua, sử dụng dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu trên Sàn dữ liệu.
 - Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu.
 - Tổ chức kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.
 - Tổ chức định giá.
8. Cam kết của tổ chức đăng ký.

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Tổ chức cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn đăng ký. Nếu vi phạm, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)